TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé.
2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lê Quốc A, sinh ngày 24/10/1969.

Căn cước công dân số: …, cấp ngày 02/10/2021.

Địa chỉ: số 172/8 ấp Hiệp Thạnh, xã X, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: bà Trần Thị B, sinh ngày 01/01/1973.

Căn cước công dân số: …, cấp ngày 02/10/2021.

Địa chỉ: số 172/8 ấp Hiệp Thạnh, xã X, tỉnh Tây Ninh.

(Ông A và bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Quốc A trình bày: sau một thời gian tìm hiểu, ông và bà Trần Thị B tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là UBND xã X, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 11 năm 2002. Trong thời gian kết hôn được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp nên ông và bà B thường

gây gổ, nhiều lần tranh cãi với nhau vì vậy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau như trước đây. Nhận thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng không đi đến kết quả tốt đẹp, không thể tiếp tục với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, cơ hội để hàn gắn quan hệ hôn nhân là không có. Vì vậy, bằng văn bản này ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị B.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thùy C, sinh ngày 23/01/2003, hiện đang bị khuyết tật vận động, không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, đang sống cùng với ông. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung; không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị B trình bày: bà không đồng ý ly hôn với ông Lê Quốc A do vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân là do ông A đi theo đạo nào đó mà bỏ bà và từ đó vợ chồng ly thân 3 - 4 năm nay.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thùy C, sinh ngày 23/01/2003, hiện đang bị khuyết tật vận động, không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, đang sống cùng với ông A. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là chị Dương do ông A là đàn ông không thể chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng: không yêu cầu.

- Về tài sản: bà đồng ý tự thỏa thuận hoặc khởi kiện thành vụ án khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa các bên tranh luận:

- Ông Lê Quốc A tranh luận: ông muốn ly hôn do vợ chồng không hợp nhau do bà B nhiều lần ngăn cản việc làm ăn của ông, chứ không phải theo đạo nào như bà B trình bày.

- Bà Trần Thị B tranh luận: ông A chỉ vì theo tu đạo nào đó mà bỏ vợ con; không còn muốn giữ mối quan hệ vợ chồng, bán tài sản làm ảnh hưởng đến gia đình. Bà mong ông A suy nghĩ lại mà hàn gắn hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dưỡng con chung.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tòa án đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng.

- Về nội dung:

Theo trích lục kết hôn số 140/KLKH-BS ngày 20/9/2021 của UBND xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là xã X, tỉnh Tây Ninh) xác định ông Lê Quốc A và bà Trần Thị B đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An số 164/2002 ngày 27/11/2002, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Hôn nhân giữa ông A và bà B đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không còn. Mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Dù bà B không đồng ý ly hôn nhưng không có cơ sở cho thấy quan hệ vợ chồng có thể hàn gắn, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông A, cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Con chung là chị Lê Thùy C, sinh ngày 23/01/2003, tuy đã thành niên nhưng hiện bị khuyết tật vận động, không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nên thuộc trường hợp con đã thành niên không có khả năng lao động theo khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do các bên đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con, cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con.

Qua tài liệu, chứng cứ và lời trình bày tại phiên tòa, chị Dương hiện đang sinh sống ổn định cùng ông A, việc tiếp tục giao cho ông A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ bảo đảm sự ổn định về chỗ ở, sinh hoạt và điều kiện chăm sóc phù hợp với tình trạng sức khỏe của con. Vì vậy, cần giao chị Lê Thùy C cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông A, bà B không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc A.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Quốc A được ly hôn với bà Trần Thị B chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: giao chị Lê Thùy C, sinh ngày 23/01/2003, cho ông Lê Quốc A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà B có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không xem xét.

- Về nợ chung: không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: đơn khởi kiện, bản tự khai, trích lục kết hôn, trích lục khai sinh, căn cước công dân, giấy xác nhận khuyết

tật, vận đơn, biên bản hòa giải, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Lê Quốc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị B, đồng thời bà B có nơi cư trú tại xã X, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ để thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo trích lục kết hôn số 140/TLKH-BS ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là xã X, tỉnh Tây Ninh) thì ông Lê Quốc A với bà Trần Thị B là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Tại phiên tòa, hai bên đương sự thừa nhận vợ chồng đã ly thân một thời gian dài (hơn 02 năm) và hiện nay không còn sống chung nhà. Ông A cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết ly hôn với bà B. Bà B không đồng ý ly hôn và đưa ra lời động viên, thuyết phục ông A tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng không có kết quả. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên quan hệ giữa bà B và ông A không đạt được mục đích của hôn nhân. Bên cạnh đó, hôn nhân là dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên; ông A hiện không còn tự nguyện xây dựng cuộc sống hạnh phúc với bà B và kiên quyết ly hôn. Do đó, có cơ sở đánh giá quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà B đã *".... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*" theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A.

[3.3] Về con chung: ông A và bà B trình bày thống nhất có một con chung tên Lê Thùy C, sinh ngày 23/01/2003, hiện đang bị khuyết tật vận động, không có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, đang sống cùng với ông A. Đồng thời, chị Dương có nguyện vọng tiếp tục sống cùng với ông A. Vì vậy, cần tiếp tục giao cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thùy C.

[3.4] Về cấp dưỡng: không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: ông A và bà B trình bày là không có; đồng thời không có người yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: ông Lê Quốc A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Quốc A được ly hôn với bà Trần Thị B.

[2] Về con chung: ông Lê Quốc A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thùy C, sinh ngày 23/01/2003.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: không xem xét.

[4] Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: buộc ông Lê Quốc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp theo biên lai thu số 0001344 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Tây Ninh;
- UBND xã X, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 5

WZA220426.TL.QDBA 505

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh